

Bản án số: 58/2022/HS-ST  
Ngày 28-12-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Sơn Ken

Ông Lương Hữu Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Bô Na – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Kim Sum, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo: Trần Hoàng K, sinh ngày 10/4/1990 tại huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Nơi thường trú: ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Nơi ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng A, sinh năm 1970 và bà Võ Thị B, sinh năm 1971; Vợ: sống như vợ chồng với bà Lưu Thị Thanh N, sinh năm 2000; con: chưa có; tiền án: không có; tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 28/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng 11 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 147/2009/HSST ngày 28/5/2009; Ngày 10/3/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 44/2010/HSST ngày 10/3/2010; Ngày 26/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo bản án số 05/2011/HSST ngày 26/01/2011 (đã được xóa án tích); bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn ra lệnh tạm giam vào ngày 07/8/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Bà Kim Thị T, sinh năm 1999. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Võ Thị B, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, có mặt.

*Người làm chứng:*

Bà Kim Thị Thanh N1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Bà Lưu Thị Thanh N, sinh năm 2000. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Ông Tăng Văn C, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt – không lý do.

Ông Thạch Hoàng L, sinh ngày 23/5/2004. Nơi cư trú: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Đinh Văn L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 877/8/E Trần Hưng Đ, phường 5, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt – không lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số: 50/CT-VKS-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Trần Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi bị cáo bị truy tố như sau:

Bị cáo Trần Hoàng K có quen biết và sinh sống như vợ chồng với bà Lưu Thị Thanh N, sinh năm 2000, nơi thường trú và nơi ở hiện tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Do không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền để tiêu xài cá nhân nên vào đêm 26/7/2022, bị cáo K nảy sinh ý định đi tìm tài sản lấy trộm đem về bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo K đi bộ một mình đến khu vực ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 27/7/2022, bị cáo K đi đến nhà của bà Kim Thị T, sinh ngày 10/7/1999, địa chỉ như trên thì thấy trước nhà có nhiều người đang ngồi uống rượu, bia, bị cáo K trèo hàng rào vào khu vực nhà của bà T, quan sát thấy phòng của bà T còn mở đèn, bị cáo K đi đến nhìn qua cửa sổ thấy trên kệ trong phòng có một cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, hãng sản xuất Apple, màu trắng đang sạc pin. Bị cáo K quan sát xung quanh thấy không có ai nên bị cáo K đến sát cửa sổ, đưa tay qua khung cửa sổ lấy trộm cái điện thoại nêu trên của bà T. Sau khi bị cáo K lấy được điện thoại ra ngoài thì chị ruột của bà T tên Kim Thị Thanh N1, sinh năm 1997, cư trú cùng địa chỉ trên phát hiện, truy hô, bị cáo K bỏ chạy, khi bỏ chạy bị cáo K để lại tại hiện trường đôi dép bằng nhựa, màu đen, trên quai dép có hoa văn màu vàng.

Đến ngày 29/7/2022, bị cáo K đón xe lên thành phố Hồ Chí Minh đem bán điện thoại trên cho ông Đinh Văn L, sinh ngày 15/7/1988, nơi cư trú số 877/8/E Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh được số tiền là 1.000.000 đồng, số tiền này bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Riêng sim số thuê bao trong điện thoại của bà T thì bị cáo K giữ lại để sử dụng.

Đến ngày 05/8/2022, Cơ quan điều tra phát hiện bị cáo K tại khu vực ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh, qua kiểm tra phát hiện K đang sử dụng sim số 0352.172.205 chính là sim số thuê bao của bà T bị mất trước đó, hiện đang được gắn

trong điện thoại di động của bị cáo K. Cơ quan điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo K để xác minh làm rõ đối với hành vi của bị cáo K. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm giữ, sau đó tiến hành khởi tố chuyển tạm giam đối với bị cáo Trần Hoàng K để điều tra, làm rõ.

Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG ngày 07/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trà Cú, kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản vào ngày 27/7/2022:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, hãng sản xuất Apple, màu trắng, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, không bị hư hỏng có giá 6.000.000 đồng;

- 01 (một) ốp lưng bằng nhựa màu trong suốt, đã qua sử dụng có giá 50.000 đồng;

- 01 (một) sim, mạng di động Viettel, đã qua sử dụng có giá 100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 6.150.000 đồng (Sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Kim Thị T đúng như cáo trạng truy tố, bị cáo đã tác động mẹ ruột là bà Võ Thị B bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị thiệt hại là 6.150.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Võ Thị B là mẹ ruột của bị cáo trình bày: bà là người trực tiếp nộp số tiền 6.150.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo, số tiền trên do bà tự nguyện nộp thay và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù. Về dân sự bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.150.000 đồng, bị cáo cũng đồng ý và đã được mẹ ruột là bà Võ Thị B nộp khắc phục xong nên căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) đôi dép màu đen, trên quai dép có in hình màu vàng do đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội. Về tài sản đề nghị trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Coolpad, màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, mặt kính màn hình và kính sau lưng bị nứt, số IMEI 1: 867524040093354, số IMEI 2: 867524040088107 và 01 sim số 0826196114; trả lại cho bị hại 01 sim số 0352172205 do đây không phải là công cụ, phương tiện phạm tội. Về án phí buộc

bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận chỉ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại Kim Thị T, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định bị cáo Trần Hoàng K đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại Kim Thị T là sự việc có thật, cụ thể như sau: Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 27/7/2022, bị cáo K đi đến nhà của bà Kim Thị T khi thấy trước nhà có nhiều người đang ngồi uống rượu, bia, bị cáo K trèo hàng rào vào khu vực nhà của bà T, quan sát thấy phòng của bà T còn mở đèn, bị cáo K đi đến nhìn qua cửa sổ thấy trên kệ trong phòng có một cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, hãng sản xuất Apple, màu trắng đang sạc pin. Bị cáo K quan sát xung quanh thấy không có ai nên bị cáo K đến sát cửa sổ, đưa tay qua khung cửa sổ lấy trộm cái điện thoại nêu trên của bà T. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà T là 6.150.000 đồng. Bị cáo là người đủ 18 tuổi và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, việc bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà T nêu trên là đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Hành vi phạm tội bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội ở địa phương. Trong vụ án không có đồng phạm, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là muốn lấy tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài để thỏa mãn cho mục đích vụ lợi cá nhân.

[3] Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã ba lần bị kết án về các tội trộm cắp tài sản, cướp tài sản, trốn khỏi nơi giam, quá trình chấp hành án phạt tù bị cáo đã được cải tạo, giáo dục nhưng vẫn không từ bỏ được hành vi sai trái mà bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, do đó mức án mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị thiệt hại có giá trị không lớn, bị cáo đã tác động mẹ ruột là bà Võ Thị B nộp bồi thường, khắc phục

hậu quả cho bị hại phù hợp với quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về dân sự: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.150.000 đồng, bị cáo cũng đồng ý và đã tác động mẹ ruột là bà Võ Thị B nộp số tiền nêu trên tại chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú để khắc phục hậu quả cho bị hại nên công nhận sự thỏa thuận bồi thường số tiền 6.150.000 đồng giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với số tiền 6.150.000 (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng mà bà Võ Thị B đã nộp thay cho bị cáo theo biên lai thu số 0001536 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

Bà Võ Thị B không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 6.150.000 (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: 01 (một) đôi dép màu đen, trên quai dép có in hình màu vàng, đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về tài sản: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Coolpad, màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, mặt kính màn hình và kính sau lưng bị nứt, số IMEI 1: 867524040093354, số IMEI 2: 867524040088107, có gắn 02 sim, sim thứ nhất số 0826196114 (của bị cáo) và sim thứ hai số 0352172205 (của bị hại), do đây không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo và bị hại.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí thì bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoàng K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 09 (chín) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 05/8/2022).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với tiền 6.150.000 (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng mà bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 6.150.000 (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng mà bà Võ Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0001536 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

Bà Võ Thị B không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 6.150.000 (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) đôi dép màu đen, trên quai dép có in hình màu vàng.

Về tài sản: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Coolpad, màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, mắt kính màn hình và kính sau lưng bị nứt, số IMEI 1: 867524040093354, số IMEI 2: 867524040088107 và 01 sim số 0826196114.

+ Trả lại cho bị hại Kim Thị T: 01 sim số 0352172205.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm và 307.500 (Ba trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Phúc**